TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST.

Ngày: 01-4-2021

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Hà và bà Lê Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1972. Địa chỉ: xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2020, các tài liệu chứng cứ và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 15-02-2018 bà H có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T vay số tiền 200.000.000 đồng, khi vay có viết giấy mượn tiền, vợ chồng ông V, bà T có ký và ghi họ tên Nguyễn Văn V, Phạm Thị T dưới mục người mượn ký

tên. Trong giấy mượn tiền hai bên thỏa thuận tiền lãi nhưng không ghi mức lãi suất, thỏa thuận thời hạn trả hết tháng 02 năm 2018.

Do ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, đến nay chưa trả cho bà H tiền gốc và tiền lãi.

Nay bà Võ Thị Thu H yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01-3-2018 đến ngày 01-4-2021 là 37 tháng x 0,83%/tháng = 61.420.000 đồng. Tổng cộng 261.420.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

Chứng cứ chứng minh: Giấy mượn tiền ngày 15-02-2018.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T đã được triệu tập hợp lệ, đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án, nhưng vợ chồng ông V, bà T đều vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 của Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại điện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả lại cho bà Võ Thị Thu H số tiền 261.420.000 đồng. Buộc vợ chồng ông V, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T đều vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Bà Võ Thị Thu H có đơn khởi kiện đối với vợ chồng ông V, bà T. Vợ chồng ông V, bà T hiện đang cư trú tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà H cho rằng vợ chồng ông V, bà T vay bà H số tiền 200.000.000 đồng, nhưng đến hạn ông V, bà T không trả, nên khởi kiện yêu

cầu trả số tiền nợ trên và tiền lãi. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 01-3-2018 đến ngày 01-4-2021 là 37 tháng x 0,83%/tháng = 61.420.000 đồng. Tổng cộng 261.420.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*). Khi vay tiền bà T viết giấy mượn tiền, vợ chồng bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn V cùng ký tên và ghi họ tên "Nguyễn Văn V, Phạm Thị T" xác nhận vay tiền của bà H. Từ những phân tích nêu trên bà H khởi kiện vợ chồng ông V, bà T là có cơ sở, cần áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc vợ chồng ông V, bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho bà H số tiền vay là 261.420.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn vợ chồng ông V, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền 261.420.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sư sơ thẩm là 13.071.000 đồng (*Mười ba triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*).

Hoàn trả bà Võ Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí 6.224.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0001801 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ